

R7 県総体ダブルス タイムテーブル

【個人戦・ダブルス】

※4回戦以降はすべて両校審判とする

区分	コート	9:20頃～			10:30頃～						
1 列 目	1	B101	B119	B137	B217	B303	4 0 1 男子 4 回 戦 8	準 々 決 勝 ↓ 決 勝	表彰	1	
	2	B102	B120	B138	B218	B304				2	
	3	B103	B121	B201	B219	B305				3	
	4	B104	B122	B202	B220	B306				4	
	5	B105	B123	B203	B221	B307				5	
	6	B106	B124	B204	B222	B308				6	
2 列 目	7	B107	B125	B205	B223	B309		4 0 1 女子 4 回 戦 8			7
	8	B108	B126	B206	B224	B310					8
	9	B109	B127	B207	B225	B311					9
	10	B110	B128	B208	B226	B312					10
	11	B111	B129	B209	B227	B313					11
	12	B112	B130	B210	B228	B314					12
3 列 目	13	B113	B131	B211	B229	B315					13
	14	B114	B132	B212	B230	B316					14
	15	B115	B133	B213	B231						15
	16	B116	B134	B214	B232						16
	17	B117	B135	B215	B301						17
	18	B118	B136	B216	B302						18
1 列 目	19	G101	G119	G201	G219	G305	4 0 1 女子 4 回 戦 8			準 々 決 勝 ↓ 決 勝	19
	20	G102	G120	G202	G220	G306					20
	21	G103	G121	G203	G221	G307					21
	22	G104	G122	G204	G222	G308					22
	23	G105	G123	G205	G223	G309					23
	24	G106	G124	G206	G224	G310					24
2 列 目	25	G107	G125	G207	G225	G311					25
	26	G108	G126	G208	G226	G312					26
	27	G109	G127	G209	G227	G313					27
	28	G110	G128	G210	G228	G314					28
	29	G111	G129	G211	G229	G315					29
	30	G112	G130	G212	G230	G316					30
3 列 目	31	G113	G131	G213	G231						31
	32	G114	G132	G214	G232						32
	33	G115	G133	G215	G301						33
	34	G116	G134	G216	G302						34
	35	G117	G135	G217	G303						35
	36	G118	G136	G218	G304						36